

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 19/06/2019.

“*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Thị Mai và ông A Hậu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo -Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố KonTum, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19/06/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh KonTum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST-DS ngày 11/01/2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 06/05/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2019/QĐST-DS ngày 31/05/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần;

Địa chỉ: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật là anh Phan Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần;

Người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Xuân Nghị, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Phan Đình Phùng- Ngân hàng thương mại cổ phần- Chi nhánh Kon Tum (Văn bản ủy quyền số 746/UQ-BIDV.KT ngày 02/07/2018 của giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần - chi nhánh Kon Tum). Có mặt

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; Vắng mặt

Địa chỉ : xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Nơi ĐKKHKT: huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đặng Thị Hồng G, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ : Thôn 3, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần - Chi nhánh Kon Tum (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với anh Phạm Văn T đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 4739/2016/9120710/HĐTD ngày 26/10/2016 với nội dung cụ thể : Theo hợp đồng, anh Phạm Văn T vay Ngân hàng số tiền 630.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, thời hạn vay 12 tháng (kể từ ngày 26/10/2016 đến ngày 25/10/2017), lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm (được áp dụng tới ngày 30/01/2017) và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh. Lãi suất hiện đang áp dụng 10,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngân hàng đã giải ngân cho anh Phạm Văn T vay số tiền 630.000.000 đồng vào ngày 26/10/2016. Đến ngày 19/06/2019 dư nợ gốc của anh Phạm Văn T theo hợp đồng tín dụng nói trên là 630.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 135.890.000 đồng và lãi quá hạn 37.138.500 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, mặc dù Ngân hàng đã có thanh báo, đôn đốc anh Phạm Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng nhưng anh T vẫn không thực hiện. Nay Ngân hàng đề nghị anh Phạm Văn T phải trả nợ 803.028.500 đồng; Trong đó: số tiền nợ gốc là 630.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 135.890.000 đồng và lãi quá hạn 37.138.500 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ngân hàng với anh Phạm Văn T và chị Đặng Thị Hồng G đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp bất động sản cụ thể như sau:

1/Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 44, tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất tại thôn 9, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (nay thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngọc, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD626421, số vào sổ cấp GCN CH00288 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 28/12/2010, chỉnh lý biến động ngày 24/10/2016 đứng tên chị Đặng Thị Hồng G và anh Phạm Văn T.

2/Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016, tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 82A- 024.44, số máy F16D37035931, số khung 696EAH995870, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 mang tên Phạm Văn T.

Trường hợp anh Tô không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà bị đơn anh Phạm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hồng G đã ký kết với Ngân hàng để thu nợ.

Tại phiên Toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố KonTum phát biểu quan điểm:

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện giao nộp tài liệu, chứng cứ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia tố tụng; không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không thực hiện quyền của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại; các Điều 90, 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 275, 280 299, 320, 322, 323, 386, 463, 464, 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên chấp nhận, buộc anh Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng 630.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn 135.890.000 đồng, lãi quá hạn 37.138.500 đồng và chịu lãi phát sinh từ ngày 20.6.2019 theo mức lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi các bên thỏa thuận và phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định. Trường hợp anh Phạm Văn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà anh Phạm Văn T và chị Đặng Thị Hồng G đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần với anh Phạm Văn T theo Hợp đồng tín dụng số 4739/2016/9120710-HĐTD ngày 26/10/2016, mục đích vay tiền chăn nuôi bò. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Phạm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hồng G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản

2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T và chị Đặng Thị Hồng G.

[2]Về nội dung vụ án , Hội đồng xét xử xét thấy: Trên cơ sở thỏa thuận về việc vay tiền giữa Ngân hàng TMCP - Chi nhánh Kon Tum với anh Phạm Văn T đã ký kết xác lập Hợp đồng tín dụng 4739/2016/9120710/HĐTD ngày 26/10/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần - Chi nhánh Kon Tum với anh Phạm Văn T và chị Đặng Thị Hồng G là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực hành vi dân sự thỏa mãn Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp nói trên mặc dù được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng các giao dịch dân sự chưa được thực hiện và có hình thức cũng như nội dung phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Căn cứ Mục 1, 2, 3, 4, 5, 6 Hợp đồng tín dụng số 4739/2016/9120710-HĐTD ngày 26/10/2016: Hạn mức cho vay là số tiền 630.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi bò, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 10%/năm (được áp dụng tới ngày 30/01/2017) và được điều chỉnh 03 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh. Lãi suất hiện đang áp dụng là 10,8% tại thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 26/10/2017, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Xét thấy, đến ngày 26/10/2017 bị đơn anh Phạm Văn T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, anh Tố đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 280, 466 Bộ luật dân sự 2015, Ngân hàng khởi kiện là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Vì vậy buộc anh Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng : Tiền gốc 630.000.000 đồng, Lãi trong hạn 135.890.000 đồng, lãi quá hạn 37.138.500 đồng

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nói trên, bị đơn anh Phạm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Hồng G đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất tại thôn 9, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (nay thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngọc, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD626421, số vào sổ cấp GCN CH00288 do Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 28/12/2010, chỉnh lý biên động ngày 24/10/2016 đứng tên chị Đặng Thị Hồng G và anh Phạm Văn T. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/9120710/HĐBĐ ngày 26/10/2016, tài sản thế

chấp gồm: Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển số 82A- 024.44, số máy F16D37035931, số khung 696EAH995870, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 mang tên Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T không trả nợ đúng theo thỏa thuận, theo quy định tại các Điều 320, Điều 322, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 thì các tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ.

[3]Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 630.000.000 đồng tiền gốc và 173.028.500 đồng tiền lãi, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Phạm Văn T phải chịu 36.000.000 đ + (3.028.500đ x 3%) = 36.090.855 đồng án phí và 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại và Điều 90, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng các Điều 688, 275, 280, 292, 294, 299, 317, 318, 320, 323, 325, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018 của Ngân hàng TMCP.

Buộc anh Phạm Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP số tiền là 803.028.500 đồng (*Tám trăm lẻ ba triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng*), trong đó tiền gốc là 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*); tiền lãi trong hạn là 135.890.000 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*);lãi quá hạn là 37.138.500 đồng (*Ba mươi bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Phạm Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại [Hợp đồng tín dụng 4739/2016/9120710/HĐTD ngày 26/10/2016](#) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Phạm Văn T không trả đủ tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm:

1/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 45, địa chỉ thửa đất tại thôn 9, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum (nay thôn Đắk Kđem, xã Đắk Ngọc, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD626421, số vào sổ cấp GCN CH00288 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 28/12/2010, chỉnh lý biến động ngày 24/10/2016 đứng tên chị Đặng Thị Hồng G và anh Phạm Văn T.

2/Xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, biển kiểm soát 82A- 024.44, số máy F16D37035931, số khung 696EAH995870, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001365 mang tên Phạm Văn T.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+Buộc anh Phạm Văn T chịu 36.090.855 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+Ngân hàng thương mại cổ phần được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.200.000 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000055 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

+Buộc anh Phạm Văn T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Ngân hàng TMCP đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), buộc anh Phạm Văn T hoàn trả cho Ngân hàng TMCP

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/06/2019). Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kon Tum;
 - VKSND tp Kon Tum;
 - Chi cục Thi hành án DS tp Kon Tum;
 - Đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký
Phạm Thị Thúy**